

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/DS-ST
Ngày 28/11/2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Vân;

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 236/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương M, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1976. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Phương M trình bày:

Vào tháng 01/2017 và tháng 02/2017 chị M có cho anh L vay 02 lần với số tiền là 30.000.000 đồng. Đến ngày 10/9/2017 chị M cho anh L vay tiếp số tiền 168.000.000 đồng. Ngoài ra, khi anh L cần tiền để sử dụng trong công việc làm ăn, chị M đã hốt hụi để lấy tiền cho anh L vay vào tháng 9/2017, anh L nợ chị số tiền 46.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng anh L còn nợ chị M số tiền là 244.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Khi tổng kết nợ, hai bên có làm giấy xác nhận cho mượn nợ ngày 10/9/2017 và anh L và chị M có ký tên vào biên

nhận này. Nay chị M yêu cầu anh L trả số tiền 244.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Đoàn Văn L trình bày: Anh L thống nhất thừa nhận nợ như những lời trình bày của chị M. Hiện anh còn nợ lại chị M số tiền 244.000.000 đồng. Nay anh L đồng ý trả chị M số tiền 244.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang khó khăn nên anh xin trả dần số tiền trên, thực hiện trả như sau:

Vào ngày 15/01/2020 trả 5.000.000 đồng.

Vào ngày 15/02/2020 trả 5.000.000 đồng.

Vào ngày 15/03/2020 trả 5.000.000 đồng.

Từ ngày 15/04/2020 anh L trả chị M mỗi tháng là 7.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền nợ nêu trên.

* Tại phiên tòa, chị M đồng ý với ý kiến xin trả dần của anh L, chị M yêu cầu anh L trả số tiền 244.000.000 đồng, thực hiện trả như sau:

Vào ngày 15/01/2020 trả 5.000.000 đồng.

Vào ngày 15/02/2020 trả 5.000.000 đồng.

Vào ngày 15/03/2020 trả 5.000.000 đồng.

Từ ngày 15/04/2020 anh L trả chị M mỗi tháng là 7.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền nợ nêu trên, tháng cuối cùng vào ngày 15/12/2022 anh L trả 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đoàn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị M khởi kiện anh L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn anh L có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét, chị Trần Thị Phương M khởi kiện anh L trả số tiền nợ vay 244.000.000 đồng có cung cấp chứng cứ là “Giấy xác nhận cho mượn nợ” lập ngày 10/9/2017 để chứng minh. Biên nhận này là bản chính và có chữ ký nhận của anh L nên phù hợp với quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về chứng cứ. Anh L cũng thừa nhận nợ chị M số tiền 244.000.000 đồng và xin trả dần như sau: Vào ngày 15/01/2020 trả 5.000.000 đồng; Vào ngày 15/02/2020 trả 5.000.000 đồng; Vào ngày 15/03/2020 trả 5.000.000 đồng; Từ ngày

15/04/2020 anh L trả chị M mỗi tháng là 7.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền nợ nêu trên.

Tại phiên tòa, chị M thống nhất đồng ý cho anh L trả dần số tiền 244.000.000 đồng với thời gian thực hiện việc trả nợ như sau: Vào ngày 15/01/2020 trả 5.000.000 đồng; Vào ngày 15/02/2020 trả 5.000.000 đồng; Vào ngày 15/03/2020 trả 5.000.000 đồng; Từ ngày 15/04/2020 anh L trả chị M mỗi tháng là 7.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền nợ nêu trên, tháng cuối cùng vào ngày 15/12/2022 anh L trả 5.000.000 đồng. Xét việc chị M yêu cầu anh L trả số tiền 244.000.000 đồng và yêu cầu thời gian thực hiện trả tiền như trên là tự nguyện, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại các Điều 166, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Chị Trần Thị Phương M không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Phương M.

Buộc anh Đoàn Văn L trả chị M số tiền 244.000.000 đồng, thời hạn trả như sau:

- Vào ngày 15/01/2020 trả 5.000.000 đồng.
- Vào ngày 15/02/2020 trả 5.000.000 đồng.
- Vào ngày 15/03/2020 trả 5.000.000 đồng.
- Từ ngày 15/04/2020 anh L trả chị M mỗi tháng là 7.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền nợ nêu trên, tháng cuối cùng vào ngày 15/12/2022 anh L trả 5.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh L phải chịu 12.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Trần Thị Phương M số tiền 6.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 17059 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Phương M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đoàn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh